

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:14/2020/DS-ST
Ngày: 23-3-2020
V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Kim Xuân;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hùng Cường;

2. Ông Lê Văn Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 và 23 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020, về tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Tổ 13, ấp An H, xã An Kh, huyện C, tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Thành N - Luật sư Văn phòng Luật sư Chí Công, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

- Bị đơn: Bà Đoàn Thị Lệ T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tổ 13, ấp An H, xã An Kh, huyện C, tỉnh Đ.

(Các đương sự, người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bà Phạm Thị H trình bày:

Từ năm 2013, bà T có vay tiền của Tổ phụ nữ ấp An H (thuộc Hội Phụ nữ xã An Kh) do bà H làm Tổ trưởng. Ngoài ra, từ khoảng năm 2017, bà T còn vay tiền của cá nhân bà H nhiều lần. Quá trình vay, bà T thực hiện trả vốn, lãi đầy đủ.

Khoảng năm 2019, bà H tiếp tục cho bà L T vay tiền nhiều lần, không làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Ngày 06-4-2019 (al), hai bên tổng kết nợ số tiền 64.000.000 đồng, thời gian vay tiền là 06 tháng, đến ngày 06/10/2019 (âm lịch) bà T phải trả vốn cho bà H. Bà T có ký tên vào biên nhận, theo mẫu Đơn xin vay vốn-tiết kiệm của Tổ phụ nữ. Bà T ghi số “4” vào vị trí người vay. Vì khi vay tiền của Tổ phụ nữ, các tổ viên và bà H yêu cầu bà T có mẫu chữ ký riêng, bà T nói không biết chữ, nên mọi người tập cho bà T ghi số “4” vào vị trí người vay tiền, do đó bà T quen ký tên vào mẫu này, nghĩa là có vay tiền. Khi tổng kết nợ, có bà Ngô Thị H sinh năm 1952, địa chỉ: Ấp An H, xã An Kh, huyện C, tỉnh Đ chứng kiến. Từ khi làm biên nhận tổng kết nợ, bà L T có trả lãi cho bà H được 3 tháng, số tiền 5.760.000 đồng. Việc trả lãi không làm biên nhận. Sau đó, bà T không trả vốn, lãi cho bà H. Nay bà H yêu cầu bà T trả cho bà H số tiền vốn 64.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn, bà Đoàn Thị L T trình bày:

Bà T không thống nhất biên nhận kết nợ ngày 06-4-2019 (al), không thừa nhận nợ bà H số tiền 64.000.000 đồng. Bà T chỉ có vay tiền của bà H 04 lần, tổng cộng 15.000.000 đồng, không nhớ thời gian, không làm biên nhận. Quá trình vay, bà T có đóng lãi cho bà H tổng cộng hơn 30 triệu đồng. Sau đó, bà T hốt hụi, đã trả vốn cho bà H một lần 10.000.000 đồng, một lần chồng bà T đi làm, lãnh tiền, cho bà T 4.000.000 đồng để trả vốn cho bà H, tổng cộng trả vốn được 14.000.000 đồng. Khi trả 4.000.000 đồng, bà H yêu cầu ghi số “4” vào tờ giấy để xác định có trả 4.000.000 đồng. Do bà T không biết chữ nên không biết nội dung tổng kết nợ ngày 06-4-2019 (al). Nay bà T chỉ đồng ý trả cho bà H tiền vốn 1.000.000 đồng.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Đơn vay vốn ngày 06-4-2019 (al), Biên bản hòa giải của Tổ hòa giải ấp An H, xã An Kh ngày 10-01-2020, lời khai người làm chứng (ông Phạm Văn D, Nguyễn Văn Ct) chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ đơn xin vay vốn ngày 06-4-2019 (al), biên bản hòa giải cơ sở ngày 10-01-2020, xác định có việc bà T có vay tiền của bà H. Do đó, nguyên đơn bà H yêu cầu bị đơn bà T trả tiền là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận lời trình bày của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn, bà Phạm Thị H yêu cầu bị đơn bà Đoàn Thị Lệ T trả cho nguyên đơn số tiền vốn gốc là 64.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Bà T thừa nhận có ký tên vào Đơn xin vay vốn ngày 06-4-2019 (al), nội dung vay tiền của bà H số tiền 64.000.000 đồng. Căn cứ Khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này.

[1.2] Bà T cho rằng không biết chữ, không biết nội dung khi ký tên vào Đơn xin vay vốn ngày 06-4-2019 (al), số “4” tại vị trí người vay có ý nghĩa là trả vốn 4.000.000 đồng, là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, bà T xác định có vay tiền của Tổ phụ nữ và ký tên số “4” vào vị trí người vay rất nhiều lần.

[1.3] Mặt khác, bà T xác định có ký tên, số “4” vào biên bản hòa giải ngày 10-01-2020 của Tổ hòa giải ấp An H. Qua làm việc, người tham gia hòa giải là ông Phạm Văn D, Nguyễn Văn Ch (Trưởng ấp và Tổ trưởng Tổ hòa giải) xác định có thông qua nội dung đơn yêu cầu hòa giải của bà H, ghi nhận ý kiến trình bày của bà T, bà T cho rằng nợ bà H 57.000.000 đồng, không phải 64.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà T trình bày chỉ nợ bà H tiền vốn 15.000.000 đồng, biên bản hòa giải ghi không đúng ý kiến của bà, bà bị xử ép. Tuy nhiên, lời trình bày của bà T là không có căn cứ, không có cơ sở để chấp nhận.

[1.4] Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.”

Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: Nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”

[1.5] Căn cứ chứng cứ nguyên đơn cung cấp, quy định của pháp luật và nhận định trên, có đủ cơ sở xác định, bà T có vay tiền của bà H nhiều lần, sau đó thống nhất tổng kết nợ ngày 06-4-2019 (al), số tiền 64.000.000 đồng. Việc bà H yêu cầu bà T trả tiền vốn 64.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là có căn cứ, có lợi cho bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[1.6] Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.7] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 463, 466, 468, Khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H.
2. Buộc bà Đoàn Thị Lệ T trả cho bà Phạm Thị H số tiền 64.000.000 đồng (*Sáu mươi bốn triệu đồng*).
3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án với lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm:
 - Bà Đoàn Thị Lệ T phải chịu 3.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
 - Hoàn trả cho bà Phạm Thị H số tiền tạm ứng án phí 1.600.000 đồng đã nộp ngày 17-02-2020 theo biên lai số 0007390 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.
5. Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.
6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự (02 bản);
- Luật sư (01 bản);
- Viện Kiểm sát nhân dân
Huyện Châu Thành (01 bản);
- Tòa án Tỉnh (01 bản);
- Chi cục Thi hành án Dân sự
huyện Châu Thành (01 bản)
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án (04 bản);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Kiều Kim Xuân